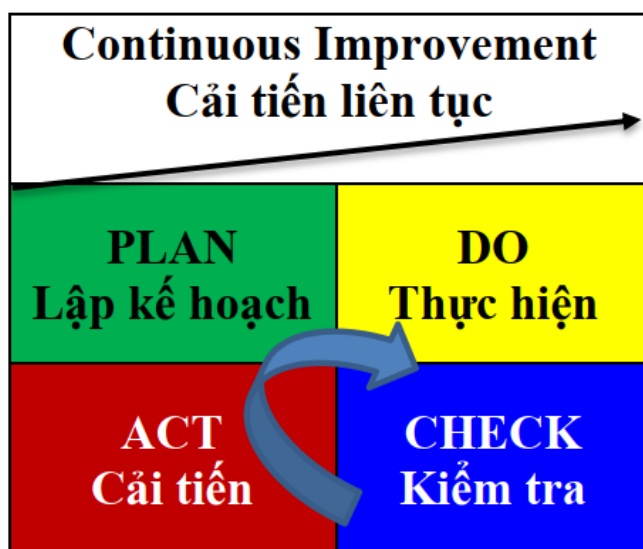


BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG



SỔ TAY ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1103/QĐ- TDTTĐN, ngày 28/10/2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng)



Đà Nẵng, tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

Bìa Sổ tay đảm bảo chất lượng		Trang
Mục lục		2
Lời giới thiệu		5
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG		7
1.1	Thông tin chung về trường Đại học TDTT Đà Nẵng	7
1.1.1	Tóm tắt lịch sử phát triển và những thành tựu nổi bật của Nhà trường	7
1.1.2	Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và văn hóa chất lượng	8
1.1.3	Mục tiêu chiến lược	9
1.1.4	Cơ cấu tổ chức của Trường	9
1.2	Giới thiệu về Sổ tay Đảm bảo chất lượng	9
1.2.1	Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng	9
1.2.2	Giải thích các thuật ngữ, định nghĩa các từ viết tắt	10
CHƯƠNG II. HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG		13
2.1	Cơ sở pháp lý	13
2.1.1	Các văn bản về đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục	13
2.1.2	Các văn bản về đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo	13
2.2	Chính sách đảm bảo chất lượng	13
2.3	Mô hình Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục	14
2.3.1	Cấu trúc Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường	14
2.3.2	Mô hình chất lượng của Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	14
CHƯƠNG III. TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO		16
3.1	Cam kết của lãnh đạo	16
3.2	Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường	16
3.2.1	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	16
3.2.2	Các đơn vị đối với công tác ĐBCLGD	16
CHƯƠNG IV. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ NGUỒN LỰC		18
4.1	Nguồn nhân lực	18
4.2	Tài chính và quản lý tài chính	18

4.3	Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học	18	
4.4	Thư viện và phục vụ người học	19	
4.5	Thông tin nội bộ	19	
CHƯƠNG V. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG		20	
5.1	Quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục	20	
5.2	Hoạt động đào tạo	20	
5.3	Công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế	20	
5.4	Công tác sinh viên và hỗ trợ người học	22	
5.5	Hoạt động phục vụ cộng đồng và phát triển thương hiệu trường	22	
CHƯƠNG VI. CÔNG CỤ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG		25	
6.1	Các công cụ giám sát	25	
	6.1.1	Sự tiến bộ của người học	25
	6.1.2	Tỷ lệ bỏ học, tỷ lệ tốt nghiệp	25
	6.1.3	Phản hồi của thị trường lao động và người học tốt nghiệp	25
	6.1.4	Hiệu quả nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	26
6.2	Các công cụ đánh giá	26	
	6.2.1	Sinh viên đánh giá	26
	6.2.2	Đánh giá khóa học và chương trình đào tạo	26
	6.2.3	Đánh giá nghiên cứu khoa học	27
	6.2.4	Đánh giá các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	27
	6.2.5	Đánh giá chất lượng đội ngũ	28
	6.2.6	Đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	28
6.3	Hệ thống văn bản chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn, giám sát, đánh giá đảm bảo chất lượng các hoạt động của Trường	28	
	6.3.1	Các quy định, công cụ giám sát, đánh giá đảm bảo chất lượng các mặt hoạt động	28
	6.3.2	Các quy trình, hướng dẫn quản lý chất lượng	33
CHƯƠNG VII. CÔNG CỤ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHUYÊN BIỆT		35	
7.1	Phân tích SWOT	35	

7.2	Đánh giá ngoài	35	
7.3	Hệ thống thông tin	35	
	7.3.1	Hệ thống thông tin quản lý	35
	7.3.2	Hệ thống thông tin công khai	36
KẾT LUẬN			37
Quyết Định ban hành Sổ tay ĐBCLGD			38

LỜI GIỚI THIỆU

Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục hiện nay đang trở thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học.

Hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục không những giúp cho mỗi đơn vị trong trường cải tiến liên tục về mặt chất lượng mà còn giúp khẳng định uy tín, thương hiệu của Nhà trường đối với người học, giảng viên, phụ huynh, các đơn vị sử dụng lao động, xã hội và các bên liên quan khác.

Đảm bảo chất lượng là quá trình liên tục mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, quy trình, biện pháp xây dựng, thực hiện, giám sát và cải tiến. Mục tiêu của công tác đảm bảo chất lượng là nhằm duy trì, cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng tất cả hoạt động của các đơn vị trong Nhà trường, hướng tới các chuẩn mực quốc tế.

Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và văn hóa chất lượng là những nhân tố quyết định cho thành công của công tác đảm bảo chất lượng. Mọi hoạt động đảm bảo chất lượng trong Nhà trường đều được thực hiện dựa trên sự vận hành có hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng cam kết nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường theo tầm nhìn, sứ mạng; dựa trên triết lý giáo dục: **Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập**, giá trị cốt lõi: **Gắn kết - Sáng tạo - Chất lượng**. Sau khi đạt chuẩn kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với cơ sở giáo dục (Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017) năm 2021, Nhà trường đã đặt ra kế hoạch chiến lược về đảm bảo và cải tiến chất lượng, chuẩn bị đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục chu kì II, đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT; xây dựng lộ trình và thực hiện tự đánh giá và kiểm định CTĐT, thể hiện trách nhiệm giải trình đối với các bên liên quan, với người học và xã hội về chất lượng đào tạo.

Việc biên soạn Sổ tay đảm bảo chất lượng của Nhà trường nhằm hoàn thiện và cải tiến hệ thống Đảm bảo chất lượng bên trong, đồng thời phổ biến các nội dung các quy định, quy trình của hệ thống đến toàn thể viên chức, người lao động, người học; hỗ trợ thực hiện có chất lượng và hiệu quả các nhiệm vụ, công việc; thực hiện các hoạt động về đảm bảo, tự đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp chương trình đào tạo. Sổ tay Đảm bảo chất lượng được Nhà trường giao cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục chủ trì xây dựng, cùng với sự góp ý của các đơn vị, cá nhân trong Trường. Nội dung của Sổ tay Đảm bảo chất lượng bao gồm các phần chính sau đây:

Chương I. Thông tin chung

Chương II. Hệ thống đảm bảo chất lượng

Chương III. Trách nhiệm của Lãnh đạo

Chương IV. Đảm bảo chất lượng về nguồn lực

Chương V. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

Chương VI. Công cụ giám sát và đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Chương VII. Công cụ đảm bảo chất lượng chuyên biệt.

Ban soạn thảo Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục rất mong nhận được góp ý của các đơn vị, viên chức, người lao động, người học,.. để cuốn Sổ tay được tiếp tục hoàn thiện trong các đợt rà soát, cải tiến chất lượng và phát hành lần sau.

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến hình thức, nội dung xin vui lòng gửi về phòng KT&ĐBCLGD theo địa chỉ kt&dbclgd@dsu.edu.vn.

Trân trọng.

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG

1.1. Thông tin chung về trường Đại học TDTT Đà Nẵng

1.1.1. Tóm tắt lịch sử phát triển và những thành tựu nổi bật của Nhà trường

Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng là đơn vị sự nghiệp, trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực thể dục, thể thao trình độ đại học, sau đại học và tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ trong lĩnh vực thể dục, thể thao.

Qua 45 năm xây dựng và phát triển, trường Đại học TDTT Đà Nẵng đã đào tạo được trên 15.000 cán bộ, giáo viên, huấn luyện viên TDTT trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp. Sinh viên của Trường được trang bị toàn diện về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp nên khi ra trường sớm khẳng định được năng lực công tác, nhiều cựu học sinh, sinh viên của Trường đã trở thành cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, giáo viên, huấn luyện viên giỏi, được các cơ sở sử dụng nhân lực đánh giá cao. Trường còn đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, xây dựng cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ, tạo vị thế là trung tâm đào tạo, khoa học và công nghệ TDTT của khu vực miền Trung, Tây nguyên và cả nước.

Hiện nay, quy mô đào tạo của Trường 1.200 đến 1.500 sinh viên. Trường tổ chức đào tạo bậc đại học cho 03 ngành gồm: Giáo dục thể chất, Huấn luyện thể thao và Quản lý TDTT; đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học. Sinh viên ngành Giáo dục thể chất và Huấn luyện thể thao của Trường được lựa chọn học 13 chuyên ngành: Điền kinh, Thể dục, Cờ vua, Bơi lội, Bóng chuyền, Bóng đá, Bóng rổ, Bóng ném, Bóng bàn, Cầu lông, Võ thuật, Quần vợt và Thể thao giải trí. Hình thức đào tạo của Trường phong phú, phù hợp với nhu cầu của người học. Trường thường xuyên thực hiện việc đổi mới công tác quản lý, đổi mới nội dung, phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội. Năm 2011 Trường đã áp dụng hệ thống quản lý chất lượng trong giáo dục theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 do Viện tiêu chuẩn Anh giám sát và cấp chứng nhận.

Về hợp tác quốc tế, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với một số trường của các nước Trung Quốc, Anh, Hàn Quốc, Thái Lan, Italia, Bồ Đào Nha về đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật trong lĩnh vực TDTT.

Về lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và An ninh: Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc Trường Đại học TDTT Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 4352/QĐ-BVHTTDL ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL trên cơ sở Khoa giáo dục quốc phòng. Hiện nay, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh của Trường được giao liên kết giảng dạy, cấp chứng chỉ quốc phòng và an ninh cho sinh viên 26 trường đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam theo Thông tư liên tịch số 123/2015/TTLT-BQP-BGDĐT-BLĐT BXH và Quyết định số 2861/2021 của Bộ Quốc phòng, về việc điều chỉnh, bổ sung danh sách liên kết GDQPAN.

Về tổ chức bộ máy và nhân sự, hiện nay Trường Đại học TDTT Đà Nẵng có 4 phòng chức năng, 6 khoa và 5 tổ chức trực thuộc; Trường có 158 cán bộ, giảng viên, nhân viên, trong đó có 108 cán bộ giảng dạy cơ hữu, 02 PGS, 37 giảng viên có trình độ Tiến sĩ, 93 giảng viên có trình độ thạc sĩ, đội ngũ giảng viên của Trường có cơ cấu hợp lý, trẻ hóa, đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm, được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn giảng viên đại học, trong đó có nhiều giảng viên có kinh nghiệm trong các lĩnh vực giảng dạy, biên soạn giáo trình, tài liệu, NCKH, quản lý TDTT, huấn luyện thể thao, tổ chức sự kiện thể thao, trọng tài thể thao... Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường thường xuyên mời giảng các nhà giáo là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Về cơ sở vật chất, tại cơ sở I có diện tích 9,1ha, đóng tại 44, Dũng Sĩ Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng đã được đầu tư trang thiết bị, dụng cụ và cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập, làm việc tương đối hiện đại, đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo trên 3000 sinh viên. Tại cơ sở II có diện tích 35,5ha, đóng tại phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng đang được Nhà nước đầu tư để trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học TDTT của khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Với những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực TDTT, Trường Đại học TDTT Đà Nẵng đã vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 1997, Huân chương Lao động hạng Nhì năm 2007, Huân chương Lao động hạng Nhất năm 2012 và nhiều hình thức khen thưởng cao quý khác. Đảng bộ nhà trường được Thành ủy Đà Nẵng tặng Cờ thi đua về thành tích 5 năm liền (2010-2014) đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu xuất sắc. Công đoàn trường 9 năm liên tục (2010-2018) đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở vững mạnh tiêu biểu xuất sắc được tặng Cờ thi đua các cấp và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường liên tục là lá cờ đầu trong phong trào đoàn, được tặng Cờ thi đua của Thành Đoàn Đà Nẵng và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Trường còn có nhiều tập thể và cá nhân được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhì, hạng ba và Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen.

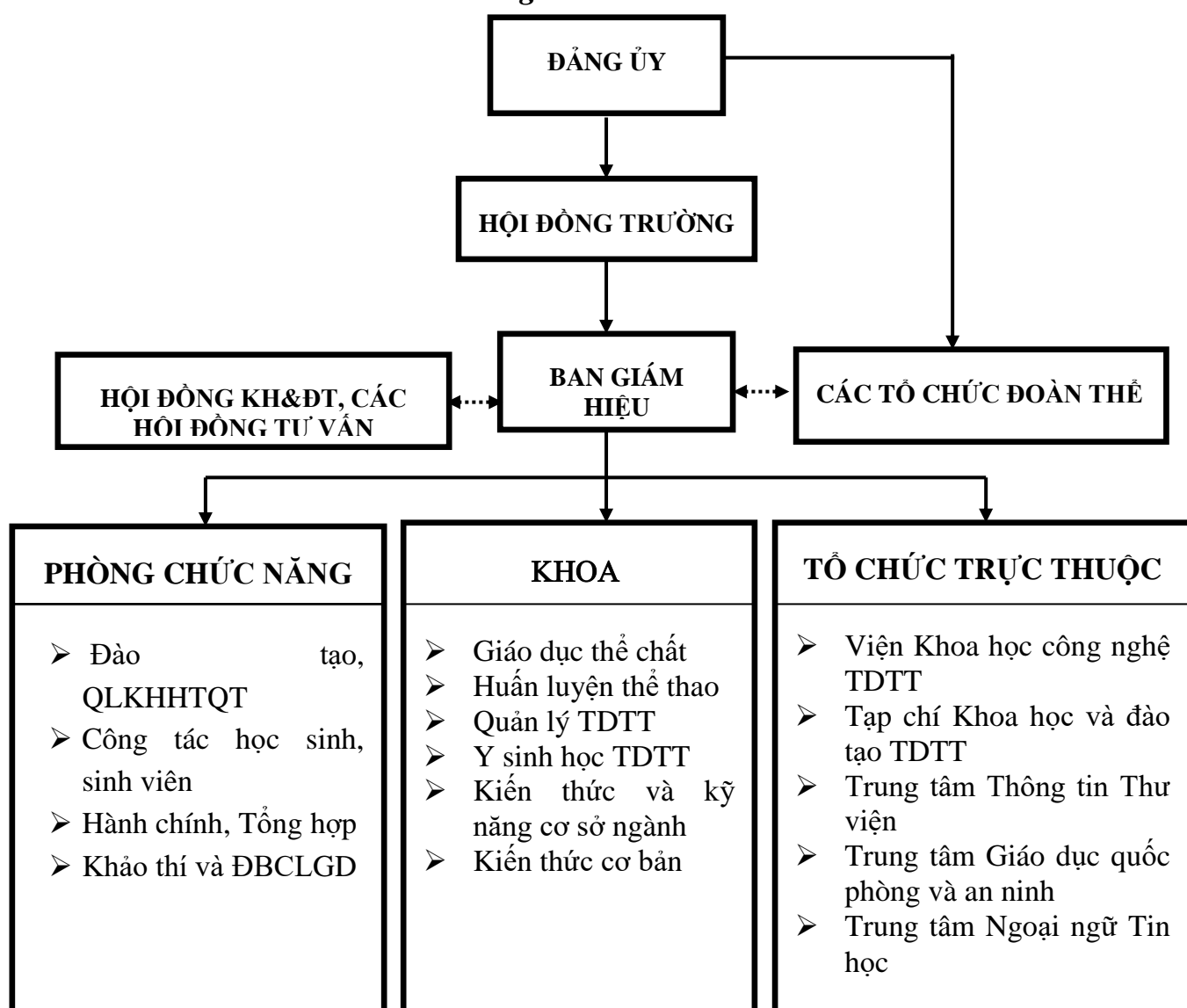
1.1.2. Triết lý giáo dục, Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và văn hóa chất lượng

- **Triết lý giáo dục:** “Nhân văn - Khai phóng - Hội nhập”.
- **Sứ mạng:** “Giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học vì sức khỏe thể chất cộng đồng và phát triển tài năng thể thao cho đất nước”.
- **Tầm nhìn:** “Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực TDTT chất lượng cao của Việt Nam đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế”.
- **Giá trị cốt lõi:** “Gắn kết - Sáng tạo - Chất lượng”.
- **Văn hóa chất lượng:** “Chuyên nghiệp - Trách nhiệm - Trung thực”.

1.1.3. Mục tiêu chiến lược

“Phát triển Trường trở thành cơ sở đào tạo đại học, sau đại học có uy tín, chất lượng, cung cấp nguồn nhân lực TDTT đáp ứng sự nghiệp thể thao nước nhà và nhu cầu thụ hưởng các hoạt động TDTT của toàn xã hội. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên có chuyên môn cao, có năng lực nghiên cứu khoa học, làm việc sáng tạo và hiệu quả. Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học tiên tiến quốc tế. Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng hội nhập toàn cầu; là địa chỉ tin cậy của người học, các đơn vị sử dụng nhân lực TDTT và toàn xã hội trong lĩnh vực đào tạo ngành nghề TDTT”.

1.1.4. Cơ cấu tổ chức của Trường



1.2. Giới thiệu về Sổ tay Đảm bảo chất lượng

1.2.1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

- Mục đích

Sổ tay Đảm bảo chất lượng nhằm cung cấp hệ thống thông tin về các tài liệu đảm bảo chất lượng gồm các văn bản, các quy trình, biểu mẫu hướng dẫn các

đơn vị trong Trường trong công tác đảm bảo chất lượng một cách nhất quán và hiệu quả.

Đây là công cụ hỗ trợ triển khai các hoạt động của Nhà trường trong công tác điều hành, quản lý nhằm thực hiện đúng các cam kết về chính sách đảm bảo chất lượng của Nhà trường với các bên liên quan.

- Phạm vi áp dụng của sổ tay đảm bảo chất lượng

Hệ thống đảm bảo chất lượng nêu trong Sổ tay đảm bảo chất lượng này áp dụng cho mọi lĩnh vực hoạt động của trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.

1.2.2. Giải thích các thuật ngữ, định nghĩa các từ viết tắt

Chất lượng: Là sự đáp ứng yêu cầu của các tiêu chuẩn được xác định đối với kết quả đào tạo.

Văn hóa chất lượng: Là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, quy trình và thói quen làm việc có chất lượng đã định hình của mọi đơn vị/ cá nhân trong Trường nhằm thực hiện công việc được giao một cách tốt nhất.

Chính sách chất lượng: Là định hướng chung có tính chiến lược do Hiệu trưởng công bố chính thức.

Mục tiêu chất lượng: Là các chỉ tiêu của Trường, các đơn vị trực thuộc đặt ra để phân đầu trong nghiên cứu, quản lý, giảng dạy, học tập và công tác; mục tiêu chất lượng phải đo lường, đánh giá hoặc so sánh được.

Chất lượng của cơ sở giáo dục: Là sự đáp ứng mục tiêu do cơ sở giáo dục đề ra, đảm bảo các yêu cầu về mục tiêu giáo dục của Luật giáo dục đại học, phù hợp với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Đảm bảo chất lượng giáo dục đại học: Là sự cam kết thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách, mục tiêu, cơ chế quản lý, các hoạt động, điều kiện, nguồn lực, cùng những biện pháp khác để duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục nhằm đáp ứng mục tiêu đề ra và hoạt động trên cơ cấu tổ chức ĐBCL thường xuyên và liên tục cải tiến.

Hệ thống đảm bảo chất lượng: Là hệ thống quản lý xác định và kiểm soát về chất lượng các hoạt động của nhà trường.

Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo: Là hoạt động đánh giá và công nhận mức độ cơ sở giáo dục/chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành hoặc đạt tiêu chuẩn chất lượng quy định bởi một tổ chức kiểm định được công nhận.

Hành động khắc phục: Hành động được tiến hành để loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp hay các tình trạng không mong muốn đã được phát hiện.

Hành động phòng ngừa: Hành động được tiến hành để loại bỏ nguyên nhân của sự không phù hợp tiềm tàng hay các tình trạng không mong muốn tiềm tàng khác.

Cải tiến chất lượng: Là hoạt động được đảm bảo diễn ra liên tục để khắc phục các hạn chế, thiếu sót của cơ sở giáo dục và các CTĐT nhằm nâng cao chất lượng.

Quy chế: Điều chỉnh các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách, công tác tổ chức hoạt động, nhân sự, phân công và phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn, đồng thời đưa ra yêu cầu cần đạt được và có tính định khung mang tính nguyên tắc của Trường.

Quy định: Là định ra các công việc phải làm, không được làm. Quy định có thể chứa đựng nội dung hướng dẫn cụ thể về chuyên môn, nghiệp vụ và trình tự thực hiện (thay cho quy trình) phục vụ cho công tác điều hành của các cấp quản lý trong Trường.

Quy trình: Là trình tự, cách thức để tiến hành hoạt động công việc, nguồn lực được sử dụng, trách nhiệm của các đơn vị/ cá nhân trong việc phối hợp để quản lý và thực hiện một hoạt động hay một công việc nào đó.

Hướng dẫn: Chỉ dẫn cụ thể về thực hiện một văn bản pháp quy hay phương pháp thực hiện một công việc.

Quá trình: Tập hợp các hoạt động có liên quan lẫn nhau để biến đổi đầu vào thành đầu ra.

Tài liệu: Văn bản hướng dẫn cách thực hiện một công việc hoặc một hoạt động.

Hồ sơ: Văn bản thể hiện các kết quả đạt được hay cung cấp bằng chứng về các hoạt động đã được thực hiện.

Văn bản pháp quy: Những tài liệu có nguồn gốc từ bên ngoài, từ cơ quan quản lý được Trường lưu giữ, áp dụng nhằm mục đích phục vụ cho các hoạt động của Trường luôn phù hợp với yêu cầu của pháp luật, các chế định có liên quan của Nhà nước.

Khách hàng: Người học (sinh viên, học viên..) và người sử dụng lao động.

Ngoài ra, các từ viết tắt dưới đây cũng được chấp nhận sử dụng trong hệ thống tài liệu của Trường:

AUN-QA	: Mạng lưới các trường đại học thuộc hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BGH	: Ban Giám hiệu
Bộ GD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo
CSCCL	: Chính sách chất lượng
CTHSSV	: Phòng Công tác học sinh, sinh viên
ĐBCL	: Đảm bảo chất lượng
ĐTQLKHHTQT	: Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế

GDDH	: Giáo dục đại học
GDTC	: Khoa Giáo dục thể chất
HCTH	: Phòng Hành chính, Tổng hợp
HD	: Hướng dẫn
HLTT	: Khoa Huấn luyện thể thao
KĐCL	: Kiểm định chất lượng
KP	: Khắc phục
KT&ĐBCLGD	: Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
KTX	: Ký túc xá
MTCL	: Mục tiêu chất lượng
MTCTCL	: Mục tiêu, chỉ tiêu chất lượng
NCKH	: Nghiên cứu khoa học
TTNNTH	: Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học
PDCA	: Lập kế hoạch – Thực hiện – Đánh giá – Cải tiến
PN	: Phòng ngừa
QC	: Quy chế
QLCL	: Quản lý chất lượng
QLTDTT	: Khoa Quản lý thể dục thể thao
QT	: Quy trình
STĐBCL	: Sổ tay đảm bảo chất lượng
TDTT	: Thể dục Thể thao
GDQPAN	: Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh
NNTH	: Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học
TTTT	: Trung tâm Thông tin, Thư viện

CHƯƠNG II

HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

2.1. Cơ sở pháp lý

2.1.1. Các văn bản về đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục

- Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017: Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

- Công văn 766/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018: Hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học.

- Công văn 767/QLCL-KĐCLGD, ngày 20/4/2018: Hướng dẫn đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học.

- Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2019: Hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

2.1.2. Các văn bản về đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo

- Thông tư 38/2013/TT-BGDĐT, ngày 29/11/2013: Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

- Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016: Quy định về Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn 1669/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2019: Hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

- Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD, ngày 31/12/2020: Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

2.2. Chính sách đảm bảo chất lượng

Chính sách chất lượng của Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng được xây dựng phù hợp với chiến lược và định hướng phát triển của Trường, thể hiện rõ cam kết đáp ứng các yêu cầu của khách hàng và cải tiến liên tục của hệ thống ĐBCL. Hiệu trưởng đề ra tầm nhìn trong đường lối phát triển chiến lược của trường và đó cũng là CSCL, cụ thể:

- Ổn định quy mô, đa dạng hoá các loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo để cung cấp nguồn nhân lực TĐTT chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội;

- Tăng cường tiềm lực khoa học, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ và năng lực; nâng cao hiệu quả nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ TĐTT trong nước và tăng cường hợp tác nghiên cứu khoa học với các cơ sở đào tạo TĐTT nước ngoài;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, viên chức có năng lực chuyên môn và trình độ cao; có tư duy sáng tạo, chuyên nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ;

- Thiết lập kỷ cương, tạo dựng môi trường làm việc công khai, dân chủ nhằm phát huy tối đa năng lực và cống hiến của cán bộ công chức, viên chức nhà trường;

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thiết bị hiện đại và đồng bộ đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý, phục vụ, đào tạo và nghiên cứu khoa học;

- Duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống ĐBCL và tuân thủ mọi yêu cầu của Quy định về KĐCL cơ sở GDĐH.

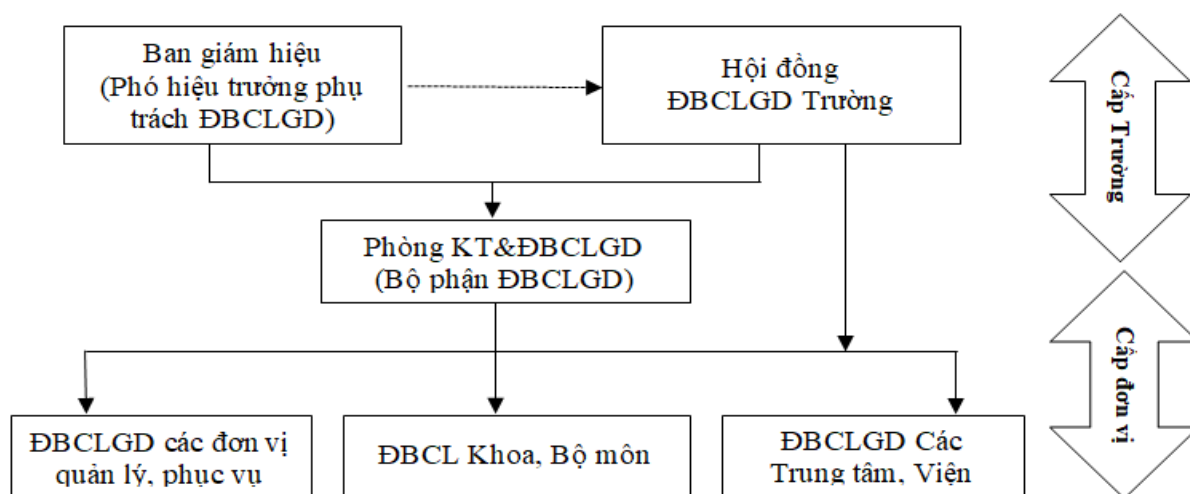
2.3. Mô hình Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục

Mô hình ĐBCL bên trong bao gồm tổng thể các hệ thống, công cụ dùng để thiết lập, duy trì, cải thiện chất lượng của một trường đại học, nó tập trung vào hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH, CGCN, HTQT và KNPVCĐ.

Trường Đại học TDTT Đà Nẵng xác định hoạt động ĐBCLGD là một trong những công tác trọng tâm của Trường.

2.3.1. Cấu trúc Hệ thống đảm bảo chất lượng của Trường

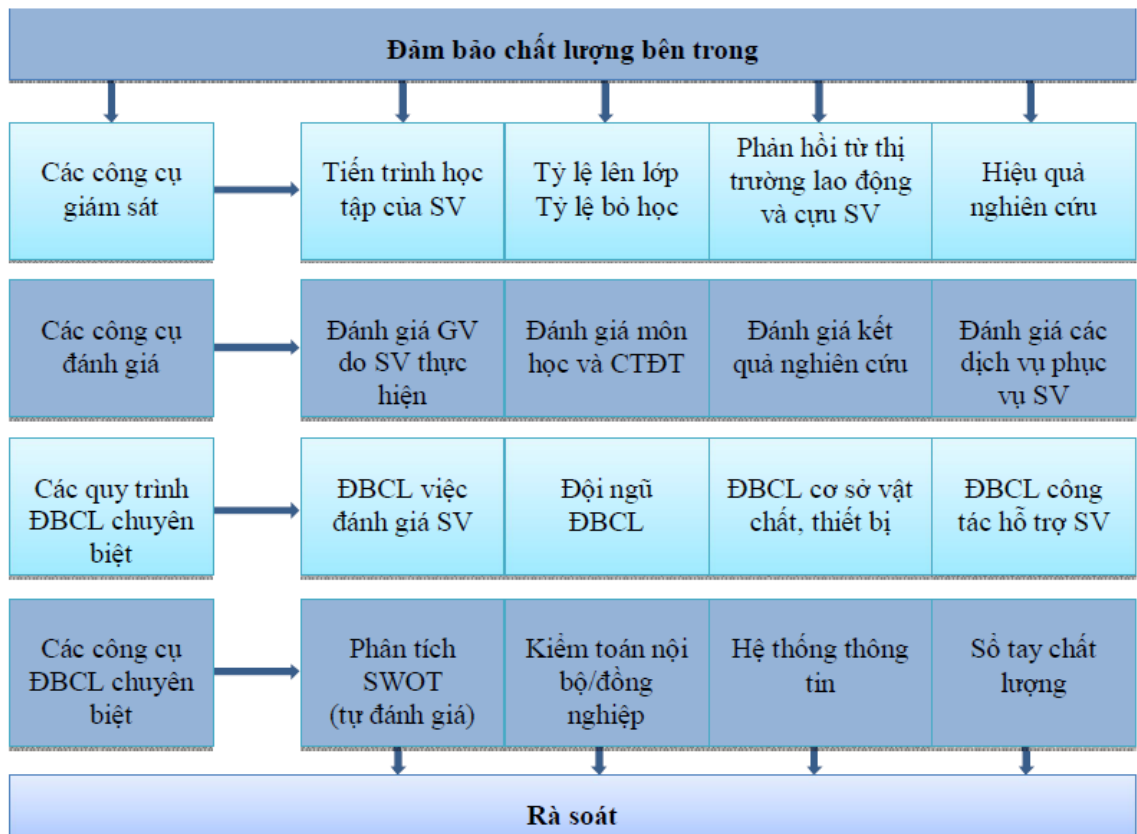
Cấu trúc Hệ thống ĐBCL của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng bao gồm Ban Giám Hiệu, Hội đồng ĐBCLGD Trường, Phòng KT&ĐBCLGD, hệ thống các tổ ĐBCLGD tại các đơn vị thuộc Trường.



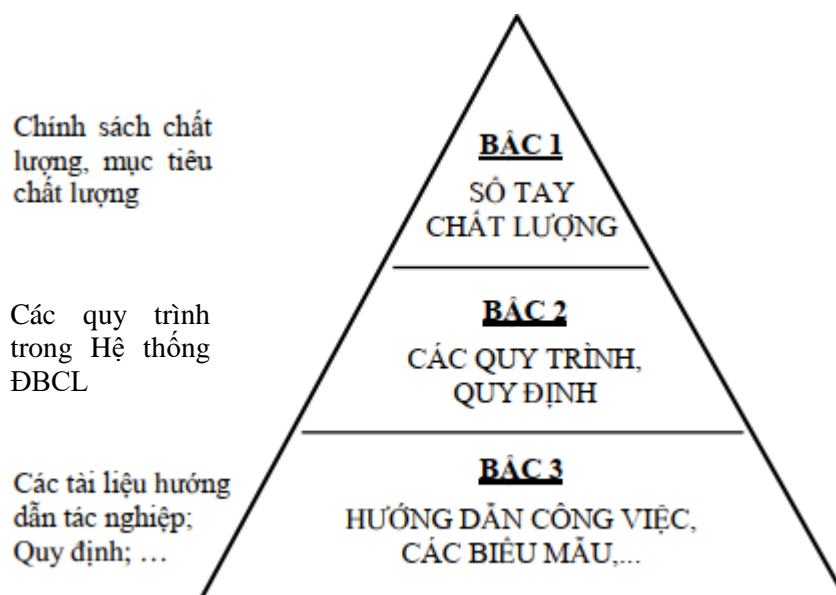
2.3.2. Mô hình chất lượng của Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

- Mô hình chất lượng của hệ thống ĐBCL bên trong cho biết những yếu tố cấu thành lên hệ thống ĐBCL nội bộ:

- + Các công cụ giám sát;
- + Các công cụ đánh giá;
- + Các quy trình ĐBCL chuyên biệt;
- + Các công cụ ĐBCL chuyên biệt;
- + Thỏa mãn nhu cầu của các bên liên quan;
- + rà soát, cải tiến chất lượng liên tục.



- Hệ thống tài liệu của Trường bao gồm:
 - + CSCL, MTCL và kế hoạch thực hiện mục tiêu chất lượng của Trường và của các đơn vị;
 - + Sổ tay đảm bảo chất lượng;
 - + Các quy trình, hướng dẫn trong hệ thống ĐBCL;
 - + Các tài liệu hướng dẫn, biểu mẫu.



CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO

3.1. Cam kết của lãnh đạo

Hiệu trưởng cam kết xây dựng và thực hiện có hiệu lực hệ thống ĐBCL của Trường thông qua các biện pháp sau đây:

- Thường xuyên cải tiến thông qua việc thiết lập Chính sách ĐBCL, MTCL;
- Thực hiện các hoạt động quản lý về đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng yêu cầu chỉ đạo của cơ quan quản lý cấp trên và khách hàng; phù hợp với quy định của pháp luật.

Để thực hiện các cam kết trên, Nhà trường thiết lập một hệ thống ĐBCL phù hợp yêu cầu của Quy định về KĐCL cơ sở GDĐH và Lãnh đạo Trường xác định, cung cấp đầy đủ các nguồn lực cần thiết, bao gồm: Con người, thiết bị, phương tiện khác phục vụ công việc và môi trường công tác.

3.2 Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Trường

3.2.1. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD)

- Phòng KT&ĐBCLGD là đơn vị có chức năng tham mưu, giúp Hiệu trưởng quản lý, tổ chức, giám sát việc thực hiện công tác ĐBCLGD tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng;

- Là đơn vị đầu mối điều phối triển khai các hoạt động ĐBCL trên cơ sở nghị quyết và kế hoạch của Hội đồng ĐBCL được Hiệu trưởng phê duyệt.

- Liên hệ với các cơ quan, hệ thống ĐBCL bên ngoài Trường nhằm đảm bảo tính hiệu quả và thực tiễn của hệ thống ĐBCL bên trong.

- Định kỳ tiến hành tự đánh giá toàn bộ hoạt động của Trường và đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức triển khai thực hiện đánh giá ngoài; bảo quản lưu trữ hồ sơ tự đánh giá chất lượng CSGD.

- Phối hợp, cung cấp số liệu, thông tin minh chứng kịp thời cho các đơn vị khác để thực hiện công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng cấp trường và cấp CTĐT.

- Định kỳ báo cáo đến BGH về kết quả hoạt động của hệ thống ĐBCL và mọi nhu cầu về nguồn lực để cải tiến.

3.2.2. Các đơn vị đối với công tác ĐBCLGD

- Phụ trách công tác ĐBCLGD tại đơn vị; Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về tổ chức thực hiện các hoạt động ĐBCLGD tại đơn vị theo đúng chu trình PDCA;

- Xây dựng nội dung hoạt động ĐBCLGD đáp ứng quy định về đảm bảo chất lượng của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường theo kế hoạch công tác hàng năm của đơn vị. Tham gia và hỗ trợ thực hiện công tác ĐBCLGD, công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài theo kế hoạch của Trường;

- Chủ trì xây dựng các thủ tục, quy trình, hướng dẫn từng công việc trong đơn vị. Thực hiện các hoạt động khảo sát các đối tượng liên quan theo sự phân công của Hiệu trưởng;

- Tổ chức khai thác và sử dụng có hiệu quả các điều kiện ĐBCL, thường xuyên kiểm tra và báo cáo kịp thời với Ban Giám hiệu về điều kiện ĐBCL của đơn vị;

- Tổ chức quản lý và cung cấp thông tin, minh chứng có liên quan đến hoạt động ĐBCLGD thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

- Tổ chức và phân công cán bộ, giảng viên thực hiện công tác ĐBCLGD tại đơn vị, làm đầu mối phối hợp thực hiện các nhiệm vụ ĐBCLGD của đơn vị; Cử cán bộ, giảng viên tham gia các hoạt động bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác ĐBCLGD theo kế hoạch của Trường;

- Tổng hợp, thống kê và báo cáo kết quả thực hiện các nội dung liên quan đến công tác ĐBCLGD theo yêu cầu và hướng dẫn của Phòng KT&ĐBCLGD;

- Tham gia thực hiện công tác ĐBCLGD của Trường theo kế hoạch và sự phân công của Nhà Trường, Hội đồng ĐBCLGD Trường.

CHƯƠNG IV

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VỀ NGUỒN LỰC

4.1. Nguồn nhân lực

Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của trường đáp ứng được các yêu cầu về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức theo quy định. Tính đến tháng 12/2021, Trường có 158 viên chức, trong đó: Nam 97 (61,4%), nữ 61 (38,6%); độ tuổi trung bình 41,2 (Giảng viên là 37,7 viên chức quản lý là 47,0); Số lượng giảng viên cơ hữu 108/158 (68,35%), khôi phục vụ 50/158 (31,64%); về trình độ: Tiến sĩ trở lên 37 (23,42%), thạc sĩ 93 (58,87%), 100% viên chức đạt tiêu chuẩn vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp, trong đó hạng I có 2/158 (1,27%), hạng II có 27/158 (17%), hạng III có 115/158 (72,78%).

Riêng đội ngũ giảng viên (108 người): Có trình độ tiến sĩ trở lên 35 người (32,4%), thạc sĩ 72 (66,67%), tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học đạt 99,07%; cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp như sau: Giảng viên cao cấp 2 (1,85%), Giảng viên chính 22 (20,37%), Giảng viên 84 (77,77%).

Đội ngũ viên chức của Trường hiện nay có cơ cấu hợp lý, có chất lượng chuyên môn cao, có năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Nhân sự chuyên trách và kiêm nhiệm công tác ĐBCL của Phòng KT&ĐBCLGD hiện có 05 viên chức, gồm 01 Tiến sĩ, 04 Thạc sĩ có đủ năng lực để triển khai các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Hàng năm, các viên chức đều được trường tạo điều kiện tham gia bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

4.2. Tài chính và quản lý tài chính

Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ VHTTDL, được giao thực hiện tự chủ một phần kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại nghị định số 43/2006/NĐ-CP và nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Trường thực hiện chế độ báo cáo, quyết toán và chế độ kế toán theo quy định tại Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ tài chính. Trường chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về nội dung, hình thức công khai tài chính.

Trường đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, là cơ sở để VCNLĐ và người học triển khai các hoạt động có liên quan đến sử dụng kinh phí của trường và các đơn vị liên quan biết được các nội dung và định mức chi.

Hàng năm, Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung theo các quy định của Nhà nước và phù hợp với điều kiện, khả năng tài chính của Trường.

4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Cơ sở vật chất của Trường đã và đang được đầu tư nâng cấp hiện đại hơn. Tổng diện tích đất sử dụng của Trường là 444.359 (m²). Tổng diện tích sàn xây

dựng phục vụ đào tạo, NCKH là 70.028 (m²). Nhà tập đa năng và nhà tập, sân tập, bể bơi là 50.350(m²), 28 phòng học với diện tích xây dựng là 4.430(m²), 02 Phòng học đa phương tiện với diện tích xây dựng là 160(m²), 02 hội trường với diện tích xây dựng là 621(m²).

Diện tích đất/ Sinh viên là 537,3; Diện tích sàn/Sinh viên là 84,7. Trong những năm qua, với phương châm đổi mới phương pháp giáo dục theo hướng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, Trường luôn chú trọng đầu tư mới, nâng cấp và sửa chữa CSVC, trang thiết bị phục vụ mục đích đào tạo, NCKH. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH, đặc biệt thiết bị thí nghiệm phục vụ NCKH luôn được ưu tiên xét duyệt đầu tư dựa trên nhu cầu thực tế.

4.4. Thư viện và phục vụ người học

Thư viện là một tòa nhà có diện tích sử dụng 756(m²) được đầu tư hệ thống thiết bị và phần mềm nghiệp vụ thư viện hiện đại. Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí) 3840đầu/102.553 cuốn (2954 đầu sách, 882 đề tài, 04 tạp chí).

Hiện nay, thư viện đang nâng cấp nguồn tài nguyên điện tử, sử dụng phần mềm quản trị CSDL điện tử để quản lý và nâng cao hiệu quả các khâu mượn trả, thống kê, tra cứu tài liệu, quản lý độc giả, biên mục tài liệu.

Khu nội trú của Trường là Ký túc xá đã được xây dựng 01 tòa nhà 04 tầng kiên cố được trang bị tiện nghi, các phòng trong ký túc xá có công trình vệ sinh khép kín, riêng biệt, các trang thiết bị cơ bản như giường, giá sách, đáp ứng được cơ bản nhu cầu sinh hoạt, học tập của người học.

4.5. Thông tin nội bộ

Để bảo đảm thông tin liên quan trong hệ thống ĐBCL được thông suốt và nhất quán giữa các đơn vị, Trường đã chủ động xây dựng và duy trì hệ thống thông tin nội bộ, qua các kênh:

- Hộp giao ban công tác hàng tháng;
- Hộp về các nội dung có tính chất chuyên đề;
- Hệ thống văn bản điện tử
- Các quy trình, thủ tục điều hành nội bộ;
- Hệ thống Zalo, E-mail, Website nội bộ,...

CHƯƠNG V

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

5.1. Quy trình đảm bảo chất lượng giáo dục

Trường đã xác lập quy trình đảm bảo chất lượng nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải tiến chất lượng của các hoạt động như: học tập, giảng dạy, NCKH, cung ứng dịch vụ, KNPVCD.

Chu trình vòng tròn chất lượng Deming (PDCA) cho thấy thực chất của quá trình ĐBCL là sự cải tiến liên tục và không bao giờ ngừng. Về tổng thể, có thể tóm tắt nội dung của chu trình này như sau:

- (P) Plan: Lập kế hoạch, xác định mục tiêu, phạm vi, nguồn lực để thực hiện, thời gian và phương pháp đạt mục tiêu.

- (D) Do: Đưa kế hoạch vào thực hiện.

- (C) Check: Dựa theo kế hoạch để kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện.

(A) Act: Thông qua các kết quả thu được đề ra những hoạt động điều chỉnh, cải tiến thích hợp nhằm bắt đầu lại chu trình với những thông tin đầu vào mới.

5.2. Hoạt động đào tạo

Hiện nay, mô hình đào tạo của Trường cơ bản ổn định với các chuyên ngành đào tạo hệ đại học thuộc các khối ngành GDTC, HLTT, QLTDĐT, Ysinh học TDĐT và 01 chuyên ngành đào tạo bậc cao học.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo cũng như đổi mới chương trình đào tạo và phương pháp giảng dạy. Trường chú trọng bồi dưỡng cho người học khả năng tư duy, sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, kỹ năng mềm, năng lực làm việc theo nhóm và năng lực lãnh đạo. Việc trang bị kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm cho người học luôn được chú trọng.

Người học tốt nghiệp tại trường hiện đang công tác tại các cơ quan Nhà nước, các trường học, các công ty tư nhân, doanh nghiệp liên kết với nước ngoài hoặc tự vận hành các trung tâm, các CLB. Chất lượng người học tốt nghiệp được các cơ quan tuyển dụng lao động, các trường học, các công ty, doanh nghiệp trong nước đánh giá cao.

5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế.

Nghiên cứu khoa học (NCKH) và Hợp tác quốc tế (HTQT) là nhiệm vụ trọng tâm đối với sự phát triển của Trường. Trong mỗi giai đoạn cụ thể, Nhà trường đã xây dựng đề án, kế hoạch hoạt động NCKH và HTQT nhằm xác định định hướng công tác NCKH cho đội ngũ giảng viên.

Đội ngũ cán bộ khoa học ngày càng trưởng thành, nhiều cán bộ có tâm huyết với công tác NCKH, trong những năm qua nhiều đề tài, dự án khoa học đã

được triển khai nghiên cứu và ứng dụng hiệu quả. Giai đoạn 2016 – 2020, Trường đã thực hiện 12 nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ, (02 đề tài và 10 dự án). Mỗi năm nghiên cứu bình quân 12 - 15 đề tài cấp cơ sở. Kết quả NCKH của Trường được nhiều hội nghị, hội thảo, diễn đàn thông tin khoa học trong nước và quốc tế để công bố, học hỏi và trao đổi hoàn thiện thêm.

Tạp chí Khoa học và Đào tạo TDTT của Trường được cấp phép, có mã số ISSN và được Hội đồng chức danh giáo Nhà nước sư tính điểm (0,5đ). Tạp chí được xuất bản thường kỳ theo quý, đăng tải nhiều bài báo khoa học và lý luận có chất lượng, tiệm cận dần với các tiêu chuẩn của một bài báo khoa học quốc tế. Bên cạnh đó, giảng viên của trường cũng tích cực tham gia báo cáo tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế. Giai đoạn 2015-2019, Trường có 270 công bố khoa học, trong đó có 15 bài báo và 08 báo cáo tại các hội nghị khoa học quốc tế.

Hàng năm, Trường hỗ trợ hàng trăm triệu đồng cho công tác NCKH của giảng viên và sinh viên, nhằm gắn NCKH với nâng cao chất lượng giảng dạy. Giai đoạn 2016 - 2020, đã nghiệm thu 84 đề tài NCKH do sinh viên thực hiện, trong đó đã lựa chọn được nhiều đề tài có chất lượng để báo cáo tại hội nghị NCKH của sinh viên ngành TDTT toàn quốc, trong đó nhiều đề tài đạt thành tích tốt.

Về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, trong 3 năm gần đây, Trường đã chuyển giao các kết quả nghiên cứu cho Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thuộc Bộ VHTTDL 01 đề tài và 06 tiêu chuẩn Việt Nam về thiết bị Thể dục dụng cụ. Hai đề tài cấp Bộ được nghiệm thu đã mang lại nguồn thu cho Nhà trường, đồng thời được chuyển giao cho Bệnh viện TDTT Việt Nam và các đơn vị sử dụng trong quá trình tuyển chọn và đánh giá VĐV.

Về lĩnh vực HTQT, Trường đã tích cực mở rộng quan hệ HTQT với các đối tác cả trong và ngoài nước. Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã ký kết 15 biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các cơ sở đào tạo và tổ chức quốc tế về đào tạo, trao đổi sinh viên, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, tổ chức hội thảo khoa học... Những thỏa thuận hợp tác đó đã được triển khai hiệu quả, góp nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Nhà trường.

Thông qua mạng lưới quan hệ HTQT của Trường, nhiều giảng viên được cấp học bổng toàn phần để theo học các khóa học thạc sĩ, tiến sĩ tại các trường đại học như Đại học TDTT Bắc Kinh, Học viện TDTT Thượng Hải, Đại học TDTT Vũ Hán, Trung Quốc.

Hoạt động trao đổi sinh viên từng bước được triển khai và mang lại hiệu quả. Thông qua nhiều chương trình hợp tác với các đối tác quốc tế, sinh viên của Trường đã được tham quan, thực tập tại các cơ sở đào tạo nước ngoài. Nhiều đoàn sinh viên quốc tế đã đến tham quan, thực tập, trao đổi văn hoá tại trường như Đại học Burapha, Thái Lan, Đại học Tây Sydney, Úc.

Trường đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các đối tác quốc tế. Trong đó, đã chủ trì tổ chức 01 Hội nghị quốc tế về TĐTT nhân dịp kỷ niệm 40 năm thành lập trường.

5.4. Công tác sinh viên và hỗ trợ người học

Trường đã thực hiện tốt sứ mạng đào tạo đội ngũ nguồn nhân lực TĐTT có chất lượng, đạt chuẩn về học thuật, đạo đức nghề nghiệp và tư duy sáng tạo; người học là đối tượng trung tâm của hoạt động đào tạo tại trường. Do đó mọi nguồn lực của Trường được huy động để phục vụ tốt nhất cho quá trình dạy và học. Trường đã cung cấp đầy đủ kịp thời các văn bản của Nhà nước, những quy định, thông báo của Trường giúp người học hiểu rõ mục tiêu đào tạo, CTĐT và các yêu cầu khác về kiểm tra, đánh giá.

Phòng Công tác HSSV thực hiện nhiệm vụ liên quan đến người học như: chế độ miễn giảm học phí, cấp học bổng khuyến khích học tập; đánh giá kết quả rèn luyện, công tác xã hội, công tác khác của người học; khen thưởng sinh viên có thành tích,...

Người học được bảo đảm đầy đủ các chế độ, chính sách như: được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo mọi điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao,...

Vào đầu năm học, Trường tổ chức đăng ký bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người học.

Trường có đội ngũ cố vấn học tập gồm các giảng viên giàu kinh nghiệm nhằm tư vấn giải đáp thắc mắc và giúp đỡ người học từ học tập rèn luyện đến chăm sóc sức khỏe, tư vấn tâm lý.

Đoàn Thanh niên thường xuyên tổ chức các hoạt động, hội thao, văn hóa văn nghệ... thu hút nhiều người học tham gia.

Trường cũng tổ chức các buổi gặp gỡ đối thoại giữa người học với BGH, lãnh đạo Khoa, lãnh đạo các phòng liên quan để giải đáp những câu hỏi, thắc mắc nhằm giải quyết kịp thời những yêu cầu của người học.

5.5. Hoạt động phục vụ cộng đồng và phát triển thương hiệu trường

Trường có các chính sách lấy hoạt động chuyên môn phục vụ cộng đồng (PVCĐ) nhằm tạo sự kết nối giữa Trường và các địa phương, doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước, qua đó Trường thực hiện vai trò, trách nhiệm của mình vì lợi ích chung của xã hội, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng, đồng thời mang lại cơ hội học tập cho sinh viên và giảng viên trong hoạt động chuyên môn ngoài lớp học, giúp sinh viên thể hiện được những kiến thức chuyên môn đã học và phát triển tính cách cá nhân về năng lực và thái độ phục vụ cộng đồng. Đặc biệt là ý thức đóng góp vào sự phát triển chung của Nhà trường và cộng đồng xã hội. Với việc cử giảng viên và sinh viên tham gia tình nguyện viên tại Đại hội thể thao bãi biển châu Á (ABG5) năm 2016, phục vụ tuần lễ Cao cấp APEC 2017, các kỳ đại hội TĐTT, các giải thể thao quốc tế,

tham gia chương trình Ấn tượng Hội An 2017, 2018 đã quảng bá hình ảnh và thương hiệu của Trường đến bạn bè trong nước và quốc tế.

Trên cơ sở quy định hoạt động chuyên môn phục vụ cộng đồng, Nhà trường xây dựng chương trình công tác năm, tổ chức Công đoàn trường và Đoàn TNCSHCM xây dựng chương trình hoạt động chuyên môn phục vụ cộng đồng trong năm. Các phòng, khoa xây dựng kế hoạch tư vấn tuyển sinh; tiến độ giảng dạy, bồi dưỡng chứng chỉ, chứng nhận; kế hoạch tổ chức các ngày lễ lớn; kế hoạch chuyên môn phục vụ cộng đồng. Trung tâm NNTH xây dựng thông báo tuyển sinh bồi dưỡng chứng chỉ tin học, ngoại ngữ; Trung tâm GDQPAN xây dựng kế hoạch liên kết giảng dạy tuyển sinh và đào tạo bồi dưỡng chứng chỉ quốc phòng an ninh cho các trường đại học, cao đẳng bên ngoài trường. Đoàn TNCS xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn kết nối và PVCĐ tại các tỉnh như chiến dịch mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi, xuân yêu thương, đồng hành, hỗ trợ trẻ em khuyết tật, tổ chức các hoạt động cho thiếu nhi, hiến máu nhân đạo, hỗ trợ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Công đoàn lập kế hoạch, thông báo vận động hỗ trợ cho các quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ tấm lòng vàng, quỹ vì người nghèo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ đoàn viên công đoàn gặp khó khăn,... thông qua chương trình công tác năm của Công đoàn.

Nhà trường có chính sách khuyến khích, hướng dẫn công tác kết nối và PVCĐ được quy định cụ thể trong chương trình, kế hoạch công tác, trong quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản liên quan. Các thông tin, nhiệm vụ về kết nối PVCĐ được Nhà trường, các đơn vị trực thuộc, tổ chức đảng, đoàn thể cập nhật và công bố trên website của Trường, được cộng đồng xã hội, các cơ quan, địa phương, doanh nghiệp phản hồi và đánh giá cao.

Năm năm qua, từ những hoạt động liên kết và các hoạt động dịch vụ, trường đã góp phần đào tạo, bồi dưỡng và cấp hơn 20.000 chứng chỉ GDQPAN cho sinh viên các trường trên địa bàn; 958 chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, 1.009 chứng nhận tiếng Anh (nội bộ), 926 chứng chỉ bơi cứu đuối, công tác đoàn đội cho SV, học viên và người có nhu cầu ở các địa phương trên địa bàn miền Trung, Tây nguyên.

Đối với hoạt động phục vụ xã hội, các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Trường xây dựng quy chế, quy định hoạt động và phân công cán bộ phụ trách từng công việc nhằm hỗ trợ và kết nối công tác chuyên môn phục vụ cộng đồng như: Ủng hộ người nghèo, phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ CBVCNV có hoàn cảnh khó khăn trong dịp tết nguyên đán... Đoàn TN phân công cán bộ và CLB xây dựng kế hoạch tình nguyện hè xanh, tiếp sức mùa thi, xuân yêu thương và các hoạt động thiện nguyện khác để phục vụ cộng đồng bên trong và bên ngoài xã hội. Giai đoạn 2016-2020, đội ngũ viên chức Nhà trường đã quyên góp ủng hộ quỹ Vì người nghèo và các hoạt động từ thiện trên 400 triệu đồng và nhiều hiện vật khác, sinh viên đã hiến hơn 3.000 đơn vị máu thông qua Chương trình hiến máu nhân đạo, thực hiện 1.752 ngày công qua các chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh và nhiều hiện vật khác.

Truyền thông quảng bá hình ảnh, thương hiệu Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng là một trong các những nhiệm vụ góp phần phát triển Trường. Tuy chưa có chiến lược phát triển thương hiệu cụ thể, nhưng trong những năm vừa qua, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua dư luận xã hội và các kênh truyền thông như Facebook, Youtube, Zalo... Trường đã tương tác với khá rộng rãi và đa dạng cộng đồng để quảng bá hình ảnh, thương hiệu của nhà trường. Mặt khác, với bề dày 45 năm xây dựng và trưởng thành, với đội ngũ CBGV chất lượng, trường đã cố gắng triển khai các hoạt động dạy học theo hướng tiên tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng; đồng thời xây dựng các clip, thiết kế hình ảnh và các tờ rơi để, cử cán bộ tiếp cận sâu hơn với cộng đồng, qua đó quảng bá sâu rộng hơn, khẳng định thương hiệu và uy tín của nhà trường trong việc đào tạo nguồn lực TĐTT cho xã hội. Đồng thời từ đó cũng tích lũy được khá nhiều kinh nghiệm và bài học trong công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu nhà trường, để định hướng cho công tác truyền thông trong giai đoạn tiếp theo.

CHƯƠNG VI

CÔNG CỤ GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

6.1. Các công cụ giám sát

6.1.1. Sự tiến bộ của người học

Nhà trường đang vận hành theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo Trình độ đại học và Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế đào tạo Trình độ Thạc sĩ.

Các khoa và phòng ĐTQLKHHTQT có trách nhiệm giám sát và đánh giá quá trình học tập của người học thông qua kết quả đánh giá điểm học phần trong từng học kỳ. Người học có thể biết được tiến độ hoàn thành chương trình học tập của mình bằng việc theo dõi khối lượng học tập mà mình đã đăng ký trong mỗi học kỳ và tra cứu kết quả học tập trên website nhà trường. Kết quả được người học sử dụng để đăng ký học phần tiếp theo, xét khen thưởng hay xét cấp học bổng.

6.1.2. Tỷ lệ bỏ học, tỷ lệ tốt nghiệp

Hàng năm Phòng ĐTQLKHHTQT và Phòng CTHSSV thống kê, theo dõi về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học và buộc thôi học. Ngoài ra, Nhà trường áp dụng quy trình xét và công nhận tốt nghiệp nhằm chuẩn hóa, đảm bảo các hoạt động đúng với quy định của Nhà trường, đảm bảo quyền lợi của SV.

6.1.3. Phản hồi của thị trường lao động và người học tốt nghiệp

Để nâng cao chất lượng dạy và học, Nhà trường tiến hành thu thập thông tin phản hồi từ thị trường lao động và cựu sinh viên.

Các mẫu phiếu khảo sát được thiết kế trên cơ sở các tiêu chí đánh giá đảm bảo chất lượng, cùng với sự đóng góp ý kiến của các khoa.

- *Phản hồi từ thị trường lao động*

Việc khảo sát ý kiến phản hồi từ nhà sử dụng lao động do Phòng CTHSSV chủ trì thực hiện. Nội dung khảo sát tập trung chủ yếu về chương trình đào tạo và chất lượng sinh viên tốt nghiệp tại trường. Sau khi có số liệu thống kê các Khoa tiến hành phân tích, đánh giá.

- *Phản hồi từ cựu sinh viên*

Khảo sát sinh viên tốt nghiệp do Phòng CTHSSV thực hiện định kỳ 1 lần/năm và tiến hành đối với các sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy. Nội dung khảo sát về:

- Ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo.

Sau khi hết thời gian khảo sát, Phòng CTHSSV sẽ tiến hành thống kê kết quả và làm báo cáo gửi đến các đơn vị. Bên cạnh đó, Phòng cũng gửi kèm các ý kiến góp ý khác của sinh viên phân loại theo từng khoa để các khoa sử dụng trong quá trình đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo.

6.1.4. Hiệu quả nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

Hiện nay các quy định về giảng dạy cũng như nghiên cứu khoa học được quy định trong chế độ làm việc của giảng viên.

Hàng năm Viện KHCNTDTT thống kê các đề tài nghiên cứu khoa học, các bài báo, ấn phẩm đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước sau đó tiến hành phân tích về hiệu quả thực hiện NCKH của GV, đối sánh qua các năm để đưa ra biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đề tài và hiệu quả nghiên cứu.

6.2. Các công cụ đánh giá

6.2.1. Sinh viên đánh giá

Khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm mục đích:

- Tạo môi trường cho sinh viên nhận xét, góp ý về hoạt động dạy và học;
- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên trong giảng dạy;
- Tạo kênh thông tin giúp giảng viên điều chỉnh hoạt động giảng dạy;
- Giúp cán bộ quản lý có thêm cơ sở nhận xét, đánh giá giảng viên.

Khảo sát chất lượng giảng dạy của giảng viên được Phòng CTHSSV thực hiện định kỳ hàng năm vào cuối mỗi học kỳ đối với tất cả các giảng viên giảng dạy các học phần lý thuyết, thực hành.

Khảo sát sự hài lòng của sinh viên về chất lượng phục vụ của Nhà trường.

Sau khi hết thời gian khảo sát, Phòng CTHSSV sẽ tiến hành thống kê kết quả khảo sát của từng giảng viên theo môn học của các khoa. Trong đó, có đánh giá các trường hợp giảng viên được đánh giá tốt và chưa tốt để các khoa căn cứ vào đó thực hiện các hoạt động cải tiến. Dựa vào kết quả thống kê và báo cáo của các khoa, Phòng CTHSSV sẽ làm báo cáo chung về tình hình khảo sát sinh viên đánh giá giảng viên của toàn trường và gửi cho các đơn vị.

6.2.2. Đánh giá khóa học và chương trình đào tạo

Nhà trường đã ban hành quy định về việc xây dựng các chương trình đào tạo là cơ sở pháp lý để các khoa đào tạo xây dựng chương trình đào tạo trình độ sau đại học, đại học và cũng là cơ sở để các đơn vị phòng, khoa lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Các khoa đào tạo khi xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc phải tổ chức hội thảo lấy ý kiến từ các nhà sử dụng lao động để đảm bảo chương trình đáp ứng với nhu cầu tuyển dụng, phù hợp với sự phát triển và nhu cầu của xã hội.

Hội đồng khoa học và đào tạo Trường có nhiệm vụ đảm bảo tính khoa học và chính xác trong việc xây dựng chương trình đào tạo cho các ngành đào tạo trong toàn trường.

6.2.3. Đánh giá nghiên cứu khoa học

Hoạt động nghiên cứu của Nhà trường hiện nay thông qua thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, công bố bài báo khoa học và các hoạt động nghiên cứu khoa học khác của giảng viên và sinh viên.

Đề tài các cấp được tiến hành hàng năm theo các bước: Đăng ký, xét duyệt, phê duyệt, kiểm tra tiến độ và nghiệm thu thanh toán đề tài. Các bước thực hiện này được chuẩn hóa theo các mốc thời gian theo đúng quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học.

Đối với các đề tài có khả năng thương mại hóa, Nhà trường và các tác giả cùng ký thỏa thuận quyền sở hữu trí tuệ.

Hàng năm Viện KHCNTDĐT có báo cáo thống kê về tình hình thực hiện NCKH ở các đơn vị, đồng thời có đánh giá sơ bộ các đề tài về số lượng và chất lượng, đối sánh qua các năm để đưa ra biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đề tài và hiệu quả nghiên cứu.

6.2.4. Đánh giá các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng

Các hoạt động đóng góp cho xã hội và cộng đồng trong Nhà trường gồm các lĩnh vực chính:

- Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội.
- NCKH,CGCN thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Thực hiện các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện đối với các cá nhân, địa phương, đơn vị có hoàn cảnh khó khăn.

Nhà trường thường xuyên đánh giá sự đóng góp của mình cho xã hội và cộng đồng như sau:

Đối với việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cho xã hội:

- Thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá nhằm đánh giá đúng năng lực người học, cung cấp nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu xã hội;

Đối với việc NCKH, CGCN thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước:

- Lập các nhóm nghiên cứu trọng điểm;
- Lập hội đồng thẩm định các đề tài nghiên cứu khoa học, các sản phẩm công nghệ của Nhà trường;
- Các báo cáo về sản phẩm công nghệ được sử dụng là tài liệu tham khảo tại thư viện của Nhà trường.

Đối với việc thực hiện các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện đối với các cá nhân, địa phương, đơn vị có hoàn cảnh khó khăn:

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện lớn trong năm học như: Chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, chương trình Tiếp sức mùa thi, Hiến máu nhân đạo,...

- Thành lập đoàn cán bộ thực hiện thăm hỏi động viên đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động;

- Thực hiện khảo sát đánh giá hoạt động đối với tình nguyện viên và địa phương nơi thực hiện hoạt động;

- Sau mỗi hoạt động, Ban tổ chức họp đánh giá và rút kinh nghiệm các nội dung đã thực hiện, thực hiện báo cáo cấp trên.

6.2.5. Đánh giá chất lượng đội ngũ

Tất cả các hoạt động của Nhà trường từ việc tuyển dụng CBVC, đánh giá CBVC, hoạt động phát triển đội ngũ đến việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo đều dựa trên các điều luật, quy định của Nhà nước.

Đối với việc tuyển dụng CBVC, Nhà trường đang áp dụng theo quy trình “Tuyển dụng CBVC” nhằm đảm bảo tính thống nhất, công bằng, công khai, minh bạch.

Để phát triển đội ngũ, Nhà trường áp dụng theo Quy trình cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng và đi công tác nhằm khuyến khích CBVC không ngừng học tập nâng cao trình độ.

Đánh giá CBVC, Nhà trường áp dụng theo Quy trình đánh giá CCVC được thực hiện hàng năm dựa trên báo cáo cá nhân, đánh giá của trường đơn vị, lãnh đạo Nhà trường.

6.2.6. Đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong

Thực hiện theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT và Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, theo chu kỳ 5 năm, Trường thực hiện tự đánh giá CSGD và CTĐT nhằm rà soát, đánh giá, đánh giá ngoài tất cả các hoạt động của Nhà trường.

Năm 2020, Trường đã được trung tâm KĐCLGD - ĐHQĐ đánh giá ngoài đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục; Trường đang thực hiện tự đánh giá các CTĐT của các Khoa và chuẩn bị đăng ký đánh giá ngoài.

6.3. Hệ thống văn bản chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn, giám sát, đánh giá đảm bảo chất lượng các hoạt động của Trường

6.3.1. Các quy định, công cụ giám sát, đánh giá đảm bảo chất lượng các mặt hoạt động

Nhằm đảm bảo chất lượng trong quản lý, triển khai các hoạt động, Trường Đại học TDTT Đà Nẵng đã xây dựng một hệ thống văn bản thực hiện giám sát các hoạt động trong toàn trường. Các văn bản này thường xuyên được rà soát,

điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Nhà trường. Có 3 nhóm công cụ giám sát cụ thể như sau:

Bảng 1. Công cụ giám sát về chiến lược và quản lý

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành
1	Phê duyệt đề án tổng thể phát triển Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2030.	06/NQ-HĐT	31/3/2021
2	Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.	07/NQ-HĐT	31/3/2021
3	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.	10/NQ-HĐT	29/7/2021
4	QĐ về việc công bố sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, giá trị cốt lõi, văn hóa chất lượng và triết lý giáo dục của Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.	471/QĐ-TĐTTĐN	17/5/2021
5	Chiến lược phát triển Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2040.	1039/QĐ-TĐTTĐN	09/12/2021

Bảng 2. Công cụ giám sát về hệ thống đảm bảo chất lượng

TT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành
1	Quy định hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.	285/QĐ-TĐTTĐN	10/4/2020

2	QĐ Thành lập Hội đồng ĐBCLGD Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	363/QĐ-TDĐTĐN	12/4/2022
3	Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng ĐBCLGD.	84/QĐ-TDĐTĐN	27/01/2021

Bảng 3. Công cụ giám sát về thực hiện chức năng

TT	Tên văn bản	Mã hiệu	Số/Ngày tháng ban hành
1	Quy chế quản lý và sử dụng tài sản	HCTH.QC.01	Số 285/QĐ-TDĐTĐN ngày 22/3/2019
2	Quy chế công tác văn thư lưu trữ	HCTH.QC.02	Số 621/QĐ-TDĐTĐN ngày 17/6/2019
3	Quy chế chi tiêu nội bộ	HCTH.QC.03	Số 477/QĐ-TDĐTĐN ngày 19/5/2021
4	Quy chế Thi đua, Khen thưởng	HCTH.QC.04	Số 559/QĐ-TDĐTĐN ngày 30/6/2021
5	Quy chế nâng bậc lương trước thời hạn	HCTH.QC.05	Số 1019/QĐ-TDĐTĐN ngày 03/12/2021
6	Quy định về quản lý, sử dụng con dấu trong công tác văn thư	HCTH.QĐ.01	Số 674/QĐ-TDĐTĐN ngày 20/7/2018
7	Quy định thực hiện và thanh toán chế độ nghỉ phép năm, nghỉ việc hưởng lương	HCTH.QĐ.02	Số 646/QĐ-TDĐTĐN ngày 03/6/2015
8	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc Trường	HCTH.QĐ.03	Số 333-343/QĐ-TDĐTĐN ngày 03/4/2019
9	Quy định mức tiết học các học phần thực hành trong các chương trình đào tạo của	ĐTQLKHHTQT.QĐ.01	Số 657/QĐ-TDĐTĐN 28/8/2021

	Trường		
10	Quy định định mức giờ chuẩn các học phần phương pháp giảng dạy và thực hành trong các chương trình đào tạo của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng.	ĐTQLKHHTQT.QĐ.02	Số 1157/QĐ-TDĐTĐN ngày 29/11/2019
11	Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ	ĐTQLKHHTQT.QĐ.03	Số 1069/QĐ-TDĐTĐN ngày 17/12/2021
12	Quy định thực tập cuối khóa bậc đại học hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ	ĐTQLKHHTQT.QĐ.04	Số 1300/QĐ-TDĐTĐN ngày 28/12/2017
13	Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.QĐ.05	Số 551/QĐ-TDĐTĐN Ngày 25/6/2021
14	Quy định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo liên thông trung cấp, cao đẳng lên đại học của trường Đại học TDTT Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.QĐ.06	Số 953/QĐ-TDĐTĐN Ngày 15/11/2021
15	Quy định tuyển sinh và tổ chức đào tạo liên thông trung cấp, cao đẳng lên đại học của trường Đại học TDTT Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.QĐ.07	Số 955/QĐ-TDĐTĐN Ngày 15/11/2021
16	Quy chế tuyển sinh trình độ thạc sĩ và đào tạo trình độ thạc sĩ	ĐTQLKHHTQT.QĐ.08	Số 567/QĐ-TDĐTĐN 16/10/2022
17	Quyết định ban hành chương trình đào tạo thạc sĩ	ĐTQLKHHTQT.QĐ.09	Số 574/QĐ-TDĐTĐN Ngày 05/7/2021
18	Quy định đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo tín chỉ trường Đại học TDTT Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.QĐ.10	Số 1069/QĐ-TDĐTĐN Ngày 17/12/2021
19	Quy định hồ sơ chuyên môn của giảng viên trường Đại học TDTT Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.QĐ.11	Số 552/QĐ-TDĐTĐN 09/6/2022
20	Quy định đánh giá kết quả rèn luyện cho sinh viên trường Đại học TDTT Đà Nẵng	CTHSSV.QĐ.01	Số 1191/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2021
21	Quy định xét khen thưởng và kỷ luật sinh viên áp dụng trong trường Đại học TDTT Đà Nẵng	CTHSSV.QĐ.02	Số 1195/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2021

22	Quy định công tác quản lý sinh viên nội trú, ngoại trú, áp dụng trong Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	CTHSSV.QĐ.03	Số 1605/QĐ-TDĐTĐN ngày 11/12/2015
23	Quy định cấp học bổng khuyến khích học tập đối với sinh viên đại học hệ chính quy của trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng	CTHSSV.QĐ.04	Số 127/QĐ-TDĐTĐN ngày 29/01/2019
24	Quy định công tác cố vấn học tập của trường Đại học TDTT Đà Nẵng	CTHSSV.QĐ.05	Số 1188/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2021
25	Quy định kết nối phục vụ cộng đồng	CTHSSV.QĐ.06	Số 1189/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2021
26	Quy định quản lý hồ sơ học sinh, sinh viên	CTHSSV.QĐ.07	Số 1190/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2021
27	Quy định đánh giá sự hài lòng của khách hàng	CTHSSV.QĐ.08	Số 1194/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2021
28	Quy định so chuẩn, đối sánh về chất lượng giáo dục của trường Đại học TDTT Đà Nẵng	KT&ĐBCLGD.QĐ.01	1332/QĐ-TDĐTĐN ngày 31/12/2018
29	Quy định Tổ chức thi kết thúc học phần	KT&ĐBCLGD.QĐ.02	613/QĐ-TDĐTĐN ngày 22/6/2022
30	Quy định xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng câu hỏi, đề thi kết thúc học phần tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	KT&ĐBCLGD.QĐ.03	647/QĐ-TDĐTĐN ngày 29/6/2022
31	Quy định quy đổi giờ NCKH của giảng viên Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	VKHCNTDĐT.QĐ.01	77/QĐ-TDĐTĐN ngày 08/02/2022
32	Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở Trường Đại học TDTT Đà Nẵng	VKHCNTDĐT.QĐ.02	588/QĐ-TDĐTĐN ngày 17/6/2022
33	Quy định về công tác thư viện	TTTTV. QĐ.01	1666/QĐ-TDĐTĐN ngày 28/12/2015
34	Quy định về công tác sử dụng và phục vụ giáo trình	TTTTV. QĐ.02	648/QĐ-TDĐTĐN Ngày 18/7/2017
35	Quy định về tổ chức hoạt động Trang thông tin điện tử	TTTTV.QĐ.03	477/QĐ-TDĐTĐN ngày 17/5/2022

	Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng		
36	Đề án chuyển đổi số của trường Đại học TDTT Đà Nẵng giai đoạn 2022-2026 và định hướng đến năm 2030	TTTV.ĐA.01	614/QĐ-TDTTDDN 22/6/2022

6.3.2. Các quy trình, hướng dẫn quản lý chất lượng

Bảng 4. Các quy trình, hướng dẫn của Nhà trường

TT	Tên quy trình	Mã hiệu	Số/Ngày tháng ban hành
1	Quy trình tuyển dụng viên chức	HCTH.QT.01	Số 152/QĐ-TDTTĐN ngày 20/2/2020
2	Quy trình đánh giá công chức, viên chức	HCTH.QT.02	Số 478/QĐ-TDTTĐN ngày 05/6/2020
3	Quy trình cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng và đi công tác	HCTH.QT.03	Số 557/QĐ-TDTTĐN ngày 02/7/2020
4	Quy trình nâng bậc lương	HCTH.QT.04	Số 574/QĐ-TDTTĐN ngày 06/7/2020
5	Quy trình kỷ luật viên chức	HCTH.QT.05	Số 579/QĐ-TDTTĐN ngày 06/7/2020
6	Quy trình lập và theo dõi chương trình công tác năm	HCTH.QT.07	Số 571/QĐ-TDTTĐN ngày 02/7/2020
7	Quy trình lập dự toán	HCTH.QT.08	Số 21/QĐ-TDTTĐN ngày 22/6/2015
8	Quy trình tạm ứng và thanh toán	HCTH.QT.09	Số 20/QĐ-TDTTĐN ngày 22/6/2015
9	Quy trình thu (tiền)	HCTH.QT.10	Số 07/QĐ-TDTTĐN ngày 15/5/2015
10	Quy trình quản lý cơ sở vật chất	HCTH.QT.11	Số 153/TB-TDTTĐN, ngày 23/02/2021
11	Quy trình Đăng ký học phần	HCTH.QT.12	Số 30/QĐ-TDTTĐN

	và thu học phí		ngày 05/3/2018
12	Quy trình xây dựng Dự toán ngân sách Nhà nước	HCTH.QT.13	Số 21/QĐ-TDĐTĐN ngày 22/6/2015
13	Quy trình Tổ chức đăng ký tín chỉ của trường Đại học TDTT Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.QT.05	Số 633/QĐ-TDĐTĐN ngày 28/6/2022
14	Quy trình tổ chức thi học phần	KT&ĐBCLGD.QT.10	Số 612/QĐ-TDĐTĐN ngày 22/6/2022
15	Quy trình về quản lý hệ thống mạng và trang tin điện tử	TTTTV. QT.01	05/QĐ- TDĐTĐN 12/05/2015
16	Quy trình tác nghiệp và quản lý thư viện	TTTTV. QT.02	06/QĐ-TDĐTĐN 12/5/2015
17	Hướng dẫn xây dựng đề cương chi tiết học phần	ĐTQLKHHTQT.HD.01	Sô 633/QĐ-TDĐTĐN 09/3/2021
18	Hướng dẫn Quy trình kiểm tra năng khiếu TDTT theo hình thức sử dụng bài thi video clip, kỳ thi tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 của trường Đại học TDTT Đà Nẵng	ĐTQLKHHTQT.HD.02	Sô 593/QĐ-TDĐTĐN 14/7/2021

CHƯƠNG VII

CÔNG CỤ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG CHUYÊN BIỆT

7.1. Phân tích SWOT

Theo quy định của Bộ GD&ĐT, chu kỳ 5 năm Nhà trường thực hiện tổng kết đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục. Trong quá trình đánh giá, công cụ SWOT được sử dụng nhằm phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược đáp ứng yêu cầu của tầm nhìn và sứ mạng, làm nền tảng xây dựng chiến lược phát triển Trường ở các giai đoạn tiếp theo. Theo kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, hàng năm các đơn vị sẽ đề xuất triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ số, kế hoạch hành động dựa trên việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức hiện có. Nhà trường sẽ thực hiện tổng hợp, phân tích và đưa ra kế hoạch hành động phát triển cho toàn Trường theo định kỳ hàng năm và dài hạn nhằm mục đích không ngừng nâng cao chất lượng và vị thế của Nhà trường.

7.2. Đánh giá ngoài

Nhà trường thực hiện đánh giá ngoài thông qua hoạt động đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục và đào tạo và tự đánh giá và đánh giá ngoài cấp CTĐT theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT. Việc thẩm định, đánh giá sẽ giúp Nhà trường chia sẻ các thông tin, kinh nghiệm với các trường khác. Qua đó, Trường xác định được vị trí trong hệ thống mạng lưới các trường đại học của Việt Nam và trong khu vực.

7.3. Hệ thống thông tin

7.3.1. Hệ thống thông tin quản lý

Nhà trường đang rất chú trọng đến vấn đề hoàn thiện hạ tầng CNTT làm nền tảng cho các hoạt động đào tạo, NCKH, KNPVCD và vận hành tốt hệ thống ĐBCL bên trong.

Để có thể bao quát hơn về tình hình học tập của sinh viên, Nhà trường xây dựng hệ thống thông tin đa dạng để sinh viên, gia đình và Nhà trường đều có thể quan sát được quá trình học tập, rèn luyện của SV, kịp thời tư vấn, cảnh báo, ngăn ngừa.

7.3.2. Hệ thống thông tin công khai

Ngoài hệ thống Website chính thống của Trường (dsu.edu.vn), Trường còn sử dụng các kênh thông tin khác như facebook, You Tobe,Zalo, E-mail, tin nhắn SMS, điện thoại để trao đổi thông tin với người học. Hệ thống tư vấn cho người học được thực hiện online theo 2 cấp (trường và khoa) để cán bộ tư vấn thường xuyên trao đổi, trả lời các thắc mắc của người học một cách kịp thời.

Người học có thể trực tiếp theo dõi quá trình học tập của mình qua hệ thống Website của Trường. Các kênh thông tin đều được bộ phận liên quan quản lý. Hệ thống cơ sở dữ liệu của sinh viên được quản lý tập trung và phân quyền cho các đơn vị chức năng, chủ yếu là phòng ĐT,QLKHHTQT và Phòng CTHSSV, các Phòng, Khoa đều có Website con để cập nhật thông tin, sự kiện.

Các tin tức cập nhật, các thông báo đưa lên website chính thức của Trường đều được xem xét ở các đơn vị chức năng, sau đó gửi đến Trung tâm Thông tin Thư viện để kiểm tra và đăng tin.

Hệ thống thông tin điện tử của Trường đang là kênh thông tin chủ đạo của Nhà trường trong việc thực hiện công tác quản lý, trao đổi thông tin giữa các đơn vị và cá nhân trong toàn Trường.

KẾT LUẬN

Cùng với xu thế khu vực hóa và toàn cầu hóa hiện nay, nền giáo dục nước ta đã và đang có những chuyển biến mạnh mẽ. Trong đó, chất lượng giáo dục Đại học đang trở thành một thách thức to lớn đối với việc cung ứng nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng với nhu cầu xã hội trong nước, trong khu vực và trên thế giới.

Trường Đại học TDTT Đà Nẵng là một cơ sở đào tạo đóng góp một vai trò quan trọng trên địa bàn miền Trung - Tây nguyên, Trường phấn đấu đạt được mục tiêu chiến lược và tiếp tục xây dựng, phát triển thành một trường đại học có chất lượng về đào tạo, NCKH, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế thuộc lĩnh vực TDTT, kết nối và phục vụ cộng đồng xứng đáng là một trường đại học có uy tín, chất lượng trên địa bàn miền Trung - Tây nguyên.

Số: 1103/QĐ-TĐTTĐN

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Sổ tay Đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2022
của Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43 ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34 ngày 19/11/2018;

Căn cứ Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Sổ tay đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2022 của Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị trực thuộc, toàn thể cán bộ công chức, viên chức Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT. KT&ĐBCLGD.

